Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 31.07.2019 15:40:07 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 270 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 31 tháng 7 năm 2019*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện Luật Việc làm

Thực hiện Công văn số 2146/LĐTBXH -VL ngày 03/6/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc báo cáo tình hình thực hiện Luật Việc làm, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo như sau:

I. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN HƯỚNG DẪN VÀ TRIỂN KHAI LUẬT VIỆC LÀM

1. Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Kể từ khi Luật Việc làm có hiệu lực, địa phương đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện như sau:

- Triển khai Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16/01/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm tại Công văn số 584/VP-VX ngày 12/02/2014.

- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 về Chương trình việc làm tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 về Chương trình việc làm tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020.

2. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện

Hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình việc làm: Kế hoạch số 1076/KH-UBND ngày 08/5/2018 về thực hiện Chương trình việc làm tỉnh Tây Ninh năm 2018; Kế hoạch số 809/KH-UBND ngày 24/4/2019 về thực hiện Chương trình việc làm tỉnh Tây Ninh năm 2019.

3. Tuyên truyền, phổ biến Luật việc làm và các văn bản hướng dẫn thi hành

Hằng năm, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội - Cơ quan thường trực Hội đồng tuyên truyền phổ biến pháp luật lao động của tỉnh đã phối hợp với Bảo hiểm xã hội, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện và thông tin tuyên truyền về chính sách vay vốn từ Quỹ Quốc gia về việc làm và chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động và người sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh, đến nay tất cả văn bản hướng dẫn Luật đã được phổ biến gồm: Luật Việc làm; Nghị định số 28/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về bảo hiểm thất nghiệp; Quyết định số 77/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/12/2014 quy định mức hỗ trợ học

nghề đối với người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp; Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ngày 31/7/2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 Luật việc làm và một số điều Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về bảo hiểm thất nghiệp; Thông tư liên tịch số 03/2016/TTLT-BLĐTBXH-BQP-BCA ngày 25/03/2 016 hướng dẫn thực hiện Khoản 6 Điều 32 của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp về việc thông báo biến động lao động làm việc tại các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; Thông tư số 139/2015/TT-BQP ngày 16/12/2015 của Bộ Quốc phòngvề hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số28/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về bảo hiểm thất nghiệp trong Bộ Quốc phòng;...

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT VIỆC LÀM VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

1. Về chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm

1.1. Kết quả đạt được:

- Đến ngày 31/5/2019, tổng nguồn vốn cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đạt 194.396 triệu đồng. Trong đó:

+ Nguồn vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm: 64.370 triệu đồng.

+ Nguồn vốn do NHCSXH huy động : 9.995 triệu đồng.

+ Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho vay qua NHCSXH: 120.031 triệu đồng.

- Doanh số cho vay (từ năm 2015 đến 31/5/2019) đạt 278.326 triệu đồng; doanh số thu nợ đạt 177.517 triệu đồng; dư nợ đến 31/5/2019 là 188.000 triệu đồng, tăng 100.809 triệu đồng; nợ quá hạn là 782 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,4% dư nợ Chương trình; Nợ khoanh là 263 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,14% dư nợ Chương trình.

- Từ năm 2015 đến nay, cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đã góp phần giúp cho 15.146 lao động (trong đó có 06 lao động là người dân tộc thiểu số, 169 lao động là người khuyết tật, 349 lao động là nữ) có được việc làm, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp, nâng cao cuộc sống cho người lao động;

- Mức cho vay bình quân đối với 01 người lao động là 20 triệu đồng, cho vay theo dự án cơ sở sản xuất kinh doanh tối đa là 01 tỷ đồng/01 dự án, nhưng do nguồn vốn ít nên không có cơ sở nào được vay.

Một trong những đối tượng cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm là lao động nông thôn đi học nghề, kết quả từ năm 2015 đến 31/5/2019 với doanh số cho vay là 15.169 triệu đồng; dư nợ đến ngày 31/5/2019 là 11.670 triệu đồng, đã duy trì và mở rộng việc làm giúp cho 1.054 lao động nông thôn đi học nghề có được việc làm, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp, nâng cao cuộc sống cho người lao động.

1.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Nguồn vốn cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm rất hạn chế, hàng năm nguồn vốn phân bổ cho tỉnh Tây Ninh rất ít (từ năm 2015 đến nay không giao vốn bổ sung), NHCSXH cho vay chủ yếu bằng vốn thu hồi nợ nên chưa đáp ứng được nhu cầu vốn tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

- Hiện nay, đối tượng vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc không phải là đối tượng quá khó khăn so với hộ nghèo nên việc ưu tiên cho đối tượng này được vay với lãi suất bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo là chưa hợp lý, dẫn đến tâm lý ỷ lại không muốn trả nợ đúng hạn của các đối tượng vay vốn và tạo sự không công bằng đối giữa các đối tượng thụ hưởng tín dụng chính sách ưu đãi của Chính phủ.

1.3. Kiến nghị, đề xuất:

Trung ương hàng năm bổ sung thêm nguồn vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm cho tỉnh để đáp ứng được phần nào nhu cầu vốn tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

2. Về chính sách hỗ trợ chuyển dịch việc làm đối với người lao động ở khu vực nông thôn

2.1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn

a. Kết quả đạt được:

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn các năm qua ở Tây Ninh chủ yếu là công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn luôn gắn liền với thực tiễn sản xuất, trực tiếp thực hành do đó tạo điều kiện thuận lợi cho học viên tham gia học nghề. Bên cạnh đó, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn giúp cho người lao động lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân, nâng cao kiến thức, tạo việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần. Qua 4 năm thực hiện từ năm 2015 đến năm 2018 kết quả đạt được như sau:

- Số lượng người lao động khu vực nông thôn được đào tạo nghề là 17.329 người, trong đó có 14.397 người lao động tìm được việc làm sau đào tạo.

- Số lượng người lao động khu vực nông thôn được tư vấn, giới thiệu việc làm tại các Trung tâm Dịch vụ việc làm chiếm khoảng 20%. *(người lao động khu vực nông thôn sau khi được đào tạo nghề chủ yếu tự tạo việc làm mà không qua Trung tâm dịch vụ việc làm chiếm khoảng trên 80%).*

- Số người lao động khu vực nông thôn vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm sau khi đào tạo nghề: 1.054 đối tượng.

b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

- Cán bộ quản lý đào tạo nghề ở các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn chủ yếu làm việc kiêm nhiệm, một số mới được chuyển sang làm công tác này nên hoạt động tuyên truyền điều tra, khảo sát chưa đạt hiệu quả cao, chưa xác định nhu cầu ngành nghề của doanh nghiệp trên địa bàn cũng như định hướng phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề của địa phương để có cơ sở tư vấn, đào tạo nghề cho người dân gắn với việc làm sau đào tạo. Việc rà soát đối tượng lao động nông thôn đăng ký đào tạo nghề thường gặp khó khăn;

- Hầu hết lao động nông thôn muốn có thể làm ngành nghề lao động tự do hoặc chuyển làm công nhân trong các KCN, KCX trên địa bàn không cần phải qua đào tạo (*thực tế là do doanh nghiệp tự đào tạo*). Bên cạnh đó, sự chênh lệch về tiền lương của chủ sử dụng lao động trả cho lao động phổ thông so với chi phí hỗ trợ đào tạo quá lớn. Mặc khác, số lao động đăng ký đào tạo là lao động chính trong gia đình, họ cần việc làm có thu nhập ngay để trang trải cuộc sống gia đình.

c. Kiến nghị, đề xuất: không

2.2 Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh tạo việc làm cho người lao động: Do nguồn vốn hạn chế nên chỉ cho vay theo hộ gia đình.

3. Về chính sách việc làm công: Do các quy định về chính sách việc làm công được thực hiện thông qua các dự án hoặc hoạt động sử dụng vốn nhà nước gắn với các chương trình phát triển kinh tế – xã hội bằng các dự án cụ thể trên các lĩnh vực và điều kiện đối tượng tham gia là phải đăng ký, tuy nhiên với đặc thù của lao động địa phương chưa thực hiện được.

4. Về chính sách hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

Doanh số cho vay đạt 280 triệu đồng, với 04 khách hàng được vay vốn (04 khách hàng là đối tượng người có công với cách mạng); Dư nợ đến ngày 31/5/2019 là 150 triệu đồng, với 03 khách hàng còn dư nợ.

- Mức cho vay bình quân đối với 01 lao động là 56 triệu đồng.

- Nợ quá hạn chiếm tỷ lệ 0% trong tổng dư nợ chương trình, nợ khoanh chiếm tỷ lệ 10,83% trong tổng dư nợ chương trình.

5. Về hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên

5.1. Đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự; nghĩa vụ công an; thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình , dự án phát triển kinh tế xã hội

a. Kết quả đạt được:

- Tổng số lượng được đào tạo: 1.568 người, với tổng kinh phí **18.721.006.500 đồng,** bao gồm:

+ Số lượng được đào tạo từ năm 2017 trở về trước: 989 người; kinh phí: 11.215.796.000 đồng (đã thanh quyết toán: **10.714.271.500** đồng).

+ Số lượng được đào tạo từ năm 2018, dự kiến đến cuối năm 2019: 579 người, kinh phí: 7.505.210.000 đồng (chưa thanh quyết toán).

- Nghề chủ yếu được đào tạo: Nghề lái xe ô tô Hạng B2 và Hạng C.

-Tỷ lệ tìm được việc làm sau khi hoàn thành khóa đào tạo:

- Mức hỗ trợ đào tạo bình quân

* Học phí:

- Lái xe ô tô hạng B2: 7.345.000 đồng/học viên/khóa.

- Lái xe ô tô hạng C: 9.445.000 đồng/học viên/khóa.

* Hỗ trợ tiền ăn: 30.000 đồng/học viên/ngày.

* Hỗ trợ tiền đi lại: 200.000 đồng/khóa học.

b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Việc thanh quyết toán chi phí đào tạo, hỗ trợ tiền ăn và đi lại cho các trường hợp tham gia học nghề tại các cơ sở đào tạo vẫn chưa thực hiện được từ năm 2018 đến nay.

c. Kiến nghị, đề xuất: Không

5.2. Hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp: Đang triển khai cho thanh niên thông qua tổ chức Đoàn. Tuy nhiên, hiện nay thanh niên chưa đăng ký nhu cầu.

6. Về thông tin thị trường lao động

6.1. Kết quả đạt được:

- Thông tin thị trường lao động hoạt động ngày càng phát huy có hiệu quả đáp ứng được yêu cầu của người lao động trên địa bàn tỉnh, ngày càng trở thành địa chỉ tin cậy cho người lao động, người sử dụng lao động; khẳng định được vị trí và vai trò rất quan trọng, là xương sống của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội, là cầu nối giữa người lao động và doanh nghiệp trong việc thực hiện chức năng tư vấn, giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động, thu thập và cung ứng thông tin thị trường lao động.

- Từ năm 2015 đến tháng 6/2019 đã tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm được 72.962 lao động và tổ chức được 60 Phiên GDVL, tư vấn giới thiệu việc làm ngoài nước được 123 lao động, cung ứng tiếp nhận được 11.298 lđ/72.962 lao động được tư vấn.

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	6 tháng 2019
1	Tư vấn việc làm – học nghề	Người	9.060	15.718	19.071	19.017	10.042
2	Giới thiệu việc làm - cung ứng LĐ	Người	2.603	2.079	2.765	2.650	1.201
3	Xuất khẩu lao động	Người	20	21	30	25	27
4	Số Phiên Giao dịch việc làm	Phiên	17	12	13	13	05

6.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Giới thiệu việc làm và cung ứng lao động chỉ đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng thay thế cho lao động nghỉ việc hoặc tuyển mới với số lượng ít của doanh nghiệp đa số là

nhân viên văn phòng, lao động kỹ thuật. Ngoài ra, chưa đáp ứng được nhu cầu lao động phổ thông cần tuyển số lượng lớn trong thời gian ngắn.

- Giới thiệu xuất khẩu lao động làm việc nước ngoài theo hợp đồng đa số người lao động kén chọn, không thích đi làm ở những nước có thu nhập thấp chỉ tập trung cho các thị trường có thu nhập cao như Hàn Quốc, Đài loan, Nhật Bản nhưng ở những nước nầy việc tuyển chọn lao động rất khắc khe, số lượng lại có hạn và chi phí cũng khá cao, đa số người lao động đăng ký nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, hướng tới cần tìm hiểu và mở rộng thêm thị trường mới như: Trung Đông, Châu Âu, Châu Phi…

- Các phương tiện, trang thiết bị đầu tư cho Sàn giao dịch còn thiếu, chưa đồng bộ, một số máy móc đã lạc hậu..

6.3. Kiến nghị, đề xuất: không

7. Đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia:

Tây Ninh chưa có tổ chức đánh giá kỹ năng nghề hoạt động trên địa bàn do địa phương quản lý.

8. Về tổ chức và hoạt động dịch vụ việc làm

8.1. Kết quả đạt được

- Mạng lưới trung tâm dịch vụ việc làm: Tây Ninh có 03 trung tâm Dịch vụ việc làm:

+ Trung tâm dịch vụ việc làm là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội với chức năng tư vấn học nghề, việc làm, chính sách pháp luật lao động cho người lao động và người sử dụng lao động; giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển dụng lao động cho đơn vị, doanh nghiệp được cấp phép đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; thu nhập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động; tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật lao động, việc làm; đồng thời thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho người thất nghiệp trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra thực hiện công tác đào tạo nghề, với mục đích giúp và hướng dẫn người lao động chọn ngành nghề phù hợp với nhu cầu thực tế của người dân lao động, trong đó đặc biệt là đào tạo nghề lái xe, đồng thời đào tạo tiếng Hàn Quốc cho những ai có nhu cầu đi hợp tác lao động nước ngoài.

+ Trung tâm Dịch vụ việc làm (Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG)

+ Trung tâm Giới thiệu việc làm thuộc Trường Trung cấp Á Châu (mới thành lập vào ngày 16/5/2019).

- Bộ máy tổ chức, nhân sự, tài chính của Trung tâm dịch vụ việc làm:

+ Về Bộ máy tổ chức, nhân sự:

Đơn vị có tổng số 57 công chức, viên chức và người lao động; trong đó: biên chế: 06 người, hợp đồng làm việc: 51 người. Trình độ Đại học: 33 người; Cao đẳng: 04 người; Trung cấp: 03 người; Sư phạm nghề: 10 người; lao động phổ thông: 07 người.

Ban Giám đốc : 02 người

Phòng Tổ chức - Hành chính – Kế toán : 06 người

Phòng Tư vấn - GTVL và Thông tin thị trường lao động : 03 người

Phòng Đào tạo nghề : 21 người

Phòng Bảo hiểm thất nghiệp : 25 người

- Số lượng doanh nghiệp được cấp giấy phép hoạt động dịch vụ: 02 doanh nghiệp

- Kết quả hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm

+ Tư vấn, giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động: Từ năm 2015 đến tháng 6/2019 đã tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm được 72.962 lao động và tổ chức được 60 Phiên GDVL, tư vấn giới thiệu việc làm ngoài nước được 123 lao động, cung ứng tiếp nhận được 11.298 lđ/72.962 lao động được tư vấn

+ Thực hiện chính sách BHTN:

Số người được hỗ trợ học nghề năm 2018 là 356 người, chiếm 2,46% so số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp 14.445, Tỷ lệ người được hỗ trợ học nghề năm 2018 tăng 363% so với năm 2015 (98 người)

Công tác hỗ trợ học nghề đã có những chuyển biến sau khi Quyết định 77/2014/Qđ-TTg của Thủ tướng chính phủ được ban hành, nhưng số người được hỗ trợ học nghề vẫn còn chiếm tỷ lệ thấp so với số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp. Lý do người lao động không có nhu cầu hoặc không muốn thay đổi ngành nghề, mặt khác học nghề ở trình độ sơ cấp cũng chỉ đạt mức lương lao động phổ thông, và khi vào làm việc lại một số công ty cũng được đào tạo lại.

Danh mục ngành nghề đào tạo trình độ sơ cấp nghề ở một số cơ sở đào tạo nghề không đa dạng và chưa đáp ứng với nhu cầu của người lao động nên công tác tư vấn giới thiệu cho người lao động thất nghiệp học nghề còn gặp khó khăn, ngành nghề người lao động chủ yếu đăng ký học là lái xe ô tô các hạng.

8.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Người lao động chưa quen tìm việc làm trên các phiên Giao dịch việc làm.

- Các phương tiện, trang thiết bị đầu tư cho Sàn giao dịch còn thiếu, chưa đồng bộ, một số máy móc đã lạc hậu.

- Đội ngũ cán bộ chuyên trách cho vận hành Sàn giao dịch, website giao dịch việc làm trên mạng còn chưa hình thành một cách chính quy, chưa đào tạo chuyên nghiệp.

- Người lao động chưa quen truy cập thông tin việc làm và đăng ký tìm việc làm trên mạng.

8.3. Kiến nghị, đề xuất: không.

9. Về Bảo hiểm thất nghiệp

9.1. Kết quả đạt được

- Số lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 187.612 người, tỷ lệ đạt 92,72% so với số lao động tham gia bảo hiểm bắt buộc (187.612/) 202.345 người.

- Mức đóng bảo hiểm thất nghiệp bình quân: 3% tiền lương bình quân tham gia bảo hiểm xã hội (người sử dụng lao động đóng 1%, người lao động đóng 1%, nhân sách 1%)

- Số người được hưởng bảo hiểm thất nghiệp (theo mẫu)

- Số người tạm dừng, chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp: trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp, đi làm ở doang nghiệp khác nên chấm dứt hưởng.

- Số người chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp (theo mẫu)

- Tổ chức bộ máy thực hiện bảo hiểm thất nghiệp: (theo mẫu)

- Tiếp nhận và giải quyết trợ cấp thất nghiệp

Stt	Nội dung	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	6 tháng 2019
1	Số người nộp hồ sơ hưởng BHTN	Người	11.484	13.840	14.908	14.282	6.807
2	Số người có QĐ hưởng TCTN	Người	11.450	13.622	14.883	14.445	5.815
3	Số tiền chi trả TCTN	Triệu đồng	87.056	116.648	155.372	173.123	78.914
4	Số người TN đề nghị chuyển hưởng	Người	18	22	27	41	15
5	Số người TN nhận chuyển hưởng	Người	14	16	25	34	16
6	Số người TN được tư vấn GTVL	Người	8.031	13.840	14.908	14.282	6.807
7	Số người TN được hỗ trợ học nghề	Người	98	278	361	356	116
8	Số tiền chi trả hỗ trợ học nghề	Triệu đồng	469	1.330	1.519	1.500	448.2
9	Hủy hưởng TCTN	Người	380	275	220	263	56
10	Tạm dừng	Người	857	765	567	765	197
11	Tiếp tục	Người	295	271	162	243	60
12	Chấm dứt	Người	9.727	9.599	11.941	13.227	4.372
a	Hết thời gian hưởng	Người	9334	9233	11415	12718	4.225

b	Có việc làm	Người	269	323	450	420	104
c	Không thông báo tìm kiếm VL trong 03 tháng liên tục	Người	26	25	49	71	36
d	Bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo hiểm thất nghiệp	Người	0	0	0	0	0
đ	Khác (Hưu, chết, TH nghĩa vụ …)	Người	98	18	27	18	7

9.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

- Chính sách bảo hiểm thất nghiệp hiện nay mới chỉ tập trung vào việc hỗ trợ người lao động sau khi bị thất nghiệp mà chưa có nhiều biện pháp chủ động để hỗ trợ người lao động nhằm duy trì việc làm, phòng tránh thất nghiệp.

- Một số người lao động và người sử dụng lao động chưa nhận thức rõ về quyền và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp:

+ Tâm lý người lao động chỉ muốn nhận trợ cấp thất nghiệp mà không quan tâm đến các chế độ khác như: tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ học nghề. Một số người lao động còn chưa thực hiện đúng trách nhiệm của mình trong việc khai báo tình trạng việc làm trong quá trình thẩm định giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp;

+ Tình trạng nợ đọng bảo hiểm thất nghiệp còn khá lớn, kéo dài gây ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của người lao động, ảnh hưởng đến công tác thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Mặt khác, phần lớn người sử dụng lao động chưa thực hiện thông báo định kỳ về tình hình biến động lao động.

- Nhiều người lao động chậm hoặc không tự giác trong việc thông báo và làm thủ tục chấm dứt hưởng TCTN nhưng chưa có biện pháp ngăn chặn kịp thời.

9.3. Kiến nghị, đề xuất

Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị Định số 28/2015/NĐ-CP. Cụ thể:

- Đề nghị bổ sung khoản 2 Điều 16 "Hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp" như sau: Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (hay xác nhận của đơn vị cuối cùng) trước khi thất nghiệp về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc.

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điểm b khoản 2 Điều 18 như sau:

"Tổ chức bảo hiểm xã hội thực hiện chi trả trợ cấp thất nghiệp cho người lao động từ tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp thứ 2 trở đi trong thời hạn 05 ngày làm việc, tính từ thời điểm ngày làm việc thứ 07 của tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp đó nếu không nhận được quyết định tạm dừng hoặc chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với người lao động. Trường hợp thời điểm ngày làm việc thứ 07 nêu trên là ngày nghỉ thì thời hạn chi trả trợ cấp thất nghiệp được tính từ ngày làm việc tiếp theo"

- Đề nghị điều chỉnh tăng thời gian (hạn) nhận kết quả hưởng trợ cấp thất nghiệp: từ 01 ngày lên 03 ngày

- Đề nghị bổ sung Điều 16 như sau:

+ Người lao động là người quản lý doanh nghiệp mà không thực hiện giao kết hợp đồng lao động thì giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc là xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh, giải thể, phá sản hoặc giấy tờ nhượng bán thay đổi chủ sở hữu.

+ Chủ doanh nghiệp bỏ trốn, chết và doanh nghiệp không có người đại diện theo pháp luật thì giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động là đề nghị chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động có xác nhận của cơ quan nhà nước, giấy chứng tử

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 22 "Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp" như sau:

+ Đề nghị bỏ Khoản 3 Điều 22;

+ Đề nghị bổ sung Khoản 5 Điều 22 "Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày người lao động nhận được hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp, người lao động phải nộp hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp và thẻ bảo hiểm y tế cho Trung tâm dịch vụ việc làm nơi chuyển đến trừ các trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều này."

III. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VIỆC LÀM

1. Thanh tra, kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện pháp luật về việc làm

Bộ máy làm công tác lao động từ tỉnh đến huyện, thành phố được thường xuyên kiện toàn để đảm bảo hoạt động có hiệu quả; Cán bộ làm công tác thanh tra chuyên ngành thường xuyên được đào tạo, tập huấn kịp thời bổ sung kiến thức chuyên môn, vì vậy chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra ngày càng được nâng lên; trong hoạt động bộ máy làm công tác lao động hoạt động theo quy chế đã được ban hành, phân công phân cấp nhằm hoạt động linh hoạt. Công tác thanh tra, kiểm tra hàng năm được chỉ đạo thực hiện thường xuyên đảm bảo đúng quy trình. Tổ chức thanh tra liên ngành định kỳ; thanh tra, kiểm tra chuyên ngành theo kế hoạch; thanh tra đột xuất nhằm kịp thời khắc phục, xử lý hành vi vi phạm pháp luật lao động.

1.1. Kết quả đạt được

Kết quả từ năm 2015 đến 31/12/2018 đã thanh tra 134 doanh nghiệp, kiểm tra 610 doanh nghiệp; số doanh nghiệp tự kiểm tra thông qua phiếu tự kiểm tra 650 doanh nghiệp, đã đưa ra hơn 1.500 kiến nghị, xử phạt 50 doanh nghiệp, số tiền phạt hơn 965 triệu đồng.

Các doanh nghiệp được kiểm tra nhìn chung có ý thức, am hiểu về pháp luật lao động. Nhiều doanh nghiệp đã thực hiện tốt các quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động trong các doanh nghiệp.

1.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Về chính sách lao động: chưa thực hiện đầy đủ công tác báo cáo định kỳ; chưa niêm yết công khai thang bảng lương, nội quy lao động.

- Về lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động: không xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm; chưa bố trí người làm công tác y tế; chưa thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động; việc kiểm định và khai báo thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt còn thấp; công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người sử dụng và người lao động chưa được quan tâm nhiều, công tác tự kiểm tra tại doanh nghiệp còn hạn chế.

Nguyên nhân tồn tại:

- Nguyên nhân từ các doanh nghiệp:

+ Các doanh nghiệp không cập nhật kịp thời đầy đủ các quy định của pháp luật lao động nên nhiều quy định chưa được thực hiện.

+ Bộ phận tham mưu tại các doanh nghiệp chưa nắm vững các văn bản pháp luật hoặc có sự thay đổi thường xuyên; các doanh nghiệp dân doanh khâu quản lý mang nặng tính gia đình.

- Nguyên nhân từ người lao động:

+ Chưa hiểu biết về pháp luật lao động;

+ Do áp lực việc làm, lo sợ bị mất việc nên dễ dàng chấp nhận các điều kiện từ phía doanh nghiệp;

+ Lao động có tay nghề thấp nên làm việc năng suất không cao.

- Nguyên nhân từ công tác quản lý nhà nước:

+ Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến pháp luật lao động chưa thường xuyên.

+ Số lượng doanh nghiệp được kiểm tra trong năm còn hạn chế.

+ Nhiều hành vi vi phạm chưa có biện pháp chế tài.

1.3. Kiến nghị, đề xuất: Không

2. Ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách thủ tục hành chính trong thực hiện Luật Việc làm

Bảo hiểm thất nghiệp là chế độ nhằm bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, hỗ trợ người lao động học nghề, duy trì việc làm, tìm việc làm trên cơ sở đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người lao động, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp, nhiều giải pháp đã triển khai nhằm đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN). Hiện Trung tâm Dịch vụ việc làm đã có những ứng dụng CNTT vào triển khai BHTN trên địa bàn như là: Có phần mềm quản lý về giải quyết chính sách BHTN; Phần mềm về quản lý cung cầu lao động; Phần mềm kết nối việc làm. Việc thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết chính sách BHTN đã góp phần giảm phiền hà, giảm thời gian đi lại cho người lao động, đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ các chính sách về BHTN.

IV. CÁC VẤN ĐỀ KIẾN NGHỊ BỔ SUNG QUY ĐỊNH TRONG LUẬT VIỆC LÀM:

Chính phủ sớm đề xuất với Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Việc làm, nhất là một số Chương, Điều khó triển khai được ở địa phương như: chính sách việc làm công; các chính sách hỗ trợ lập nghiệp, khởi nghiệp; đánh giá, cấp chứng chỉ nghề Quốc gia …

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Luật việc làm trên địa bàn tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận:
- Bộ LĐTBXH;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
- CVP, PCVP Nhung;
- Lưu: VT. VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh. Tuấn

5

KT. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc